

Số: 18/2017/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 07 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Nam Định tại Tờ trình số 340/TTr-NHCS, Sở Tài chính tại Công văn số 1137/CV-STC ngày 21/6/2017 và báo cáo thẩm định số 121/BC-STP ngày 28/6/2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nam Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2017 và thay thế Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc cơ quan: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Nam Định; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- NHCSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Website: UBND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Ngô Gia Tự

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nam Định**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 07/7/2017
của UBND tỉnh Nam Định)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, gồm: UBND các cấp; cơ quan tài chính các cấp; Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện; Các Sở, ngành, phòng, ban liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguồn vốn ủy thác

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

b) Nguồn tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay nguồn vốn ngân sách tỉnh được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

2. Nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với địa bàn thành phố), Phòng giao dịch NHCSXH các huyện (đối với các huyện) để cho vay trên địa bàn huyện, thành phố gồm:

a) Nguồn vốn của ngân sách cấp huyện trích hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện.

b) Nguồn tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay của nguồn vốn ngân sách cấp huyện được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua Chi

nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

3. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH

1. Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh Nam Định (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách thành phố), Phòng giao dịch NHCSXH huyện (đối với nguồn vốn ngân sách các huyện).

Điều 4. Tạo lập và phân bổ nguồn vốn ủy thác

1. Tạo lập nguồn vốn

Căn cứ vào tình hình thực tế, mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm và thực hiện chính sách xã hội Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Phân bổ nguồn vốn

a) Căn cứ nguồn vốn địa phương được bổ sung, NHCSXH trình Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phân bổ nguồn vốn ủy thác theo quy định.

b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện có trách nhiệm cho các đối tượng vay theo đúng quyết định phân bổ nguồn vốn đã được Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phê duyệt.

Điều 5. Đối tượng cho vay và mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 6. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng loại đối tượng được vay vốn theo mức vay do NHCSXH Việt Nam công bố trong từng thời kỳ.

Điều 7. Thời hạn cho vay

Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng (5 năm). Thời hạn vay vốn cụ thể do NHCSXH và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào thời hạn thu hồi vốn theo Hợp đồng ủy thác, mục đích sử dụng vốn của người vay, chu kỳ sản xuất và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

Điều 8. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với từng đối tượng vay vốn cụ thể theo mức lãi suất do NHCSXH Việt Nam công bố trong từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Điều 9. Quy trình, thủ tục cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh Nam Định, các Phòng giao dịch NHCSXH các huyện thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay theo các quy định hiện hành của NHCSXH. NHCSXH chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ vay vốn, đảm bảo cho vay đúng quy định.

Điều 10. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ theo quy định của NHCSXH Việt Nam trong từng thời kỳ;

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH Việt Nam trong từng thời kỳ.

Điều 11. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH Việt Nam trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác;

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, cụ thể:

- Đối với số lãi thu được từ cho vay nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác: NHCSXH trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của các cấp, Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh.

- Đối với số lãi thu được từ cho vay nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác: Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với địa bàn thành phố), Phòng giao dịch NHCSXH các huyện trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của các cấp, các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách cấp huyện.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và được cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định. Đối với các khoản chi đặc thù chưa được quy định, Sở Tài chính căn cứ tình hình thực tế, xây dựng mức chi, trình UBND tỉnh quyết định.

3. Trước ngày 15/01 hàng năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo số thu - chi tiền lãi thu được trong năm, số dư nợ thời điểm cuối năm gửi Sở Tài chính (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác) đối chiếu, xác nhận quyết toán và cấp bù số kinh phí quản lý còn thiếu (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH trong từng thời kỳ. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với cơ quan tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND các cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác tương ứng.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội, NHCSXH báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính theo quy định.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định.

Điều 14. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của NHCSXH Việt Nam.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch

Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, UBND cấp huyện:

1. Bố trí nguồn vốn từ ngân sách ủy thác cho NHCSXH. Thực hiện ký hợp đồng ủy thác và chuyển nguồn vốn ủy thác đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

2. Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

3. Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Quy chế này.

4. Hàng năm, thẩm định quyết toán các khoản chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

5. Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 11 Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

1. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

Điều 17. Trách nhiệm của NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.
2. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.
3. Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
4. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện về kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 15/01 của năm sau.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình HĐND cùng cấp quyết định trích nguồn ngân sách ủy thác qua NHCSXH và phê duyệt Kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho các xã, phường, thị trấn.
2. Chỉ đạo các Phòng, ban; UBND cấp xã; Hội, đoàn thể cấp huyện triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

1. Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này;
2. Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;
3. Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn ... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi...

Điều 20. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng: Những tổ chức, cá nhân có thành tích cao trong việc cho vay vốn, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả được biểu dương, khen thưởng.
2. Kỷ luật: Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự